

Bản án số: 08/2017/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Tinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư
2. Ông Phạm Văn Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLST- DS ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất (ngõ đi chung) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1954, nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1930, nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969, nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, nơi cư trú: Đường L, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Bà Phạm Thị Y, nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của ông T (Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2017), có mặt.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị Y trình bày:

Gia đình bà và gia đình ông Nguyễn Văn N cùng gia đình ông Nguyễn Văn X, gia đình ông Nguyễn Văn T1 và gia đình bà T có cùng một ngõ đi chung từ nhiều đời nay tại thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Tháng 10 năm 2015, con trai ông N là anh Nguyễn Văn T tự ý xây dựng trụ công trên phần đất ngõ đi chung nên gia đình bà không có ngõ đi. Nguồn gốc ngõ đi là do cha ông để lại, trước đây ngõ đi này gồm các gia đình ông N, gia đình ông X, gia đình ông T1 và gia đình bà T cùng sử dụng. Đến khoảng năm 2007 thì gia đình ông X, ông T1 và bà T không sử dụng ngõ đi này nữa mà chỉ còn gia đình bà và gia đình ông N sử dụng. Đến năm 2009, gia đình bà cũng làm ngõ đi mới nên tạm thời không sử dụng ngõ chung với gia đình ông N nữa. Tuy nhiên, việc gia đình ông N tự ý xây trụ công trên ngõ đi mà không được sự bàn bạc thống nhất giữa các gia đình cùng sử dụng ngõ đi (trong đó có gia đình bà) nên bà không đồng ý. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông N phải tháo dỡ phần trụ công và cánh gà (do anh T xây dựng) trên ngõ đi để trả lại diện tích ngõ đi chung. Đối với các cây cối gia đình ông N đã trồng trên ngõ đi bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần công sức tôn tạo ngõ của gia đình ông N và con trai ông N là anh T đã làm, bà sẽ chịu trách nhiệm một nửa. Còn đối với phần trụ công và cánh gà gia đình ông N đã xây dựng thì phải tự tháo dỡ, gia đình bà không có trách nhiệm bồi thường.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Bố mẹ đẻ ông là cụ Nguyễn Văn T2 và Nguyễn Thị V (đều đã mất) sinh được 03 người con gồm các ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn X và Nguyễn Văn T1. Khi còn sống cụ T2 được bố đẻ là cô Nguyễn Văn M (tức cố R) để lại cho diện tích đất khoảng 5,5 sào bắc bộ, trong đó các cụ sử dụng một phần diện tích đất để làm ngõ đi duy nhất trong gia đình và ngõ đi này hiện nay gia đình ông đang sử dụng.

Năm 1960, bố mẹ ông chia diện tích đất trên cho ba anh em là ông N, ông X, ông T1 sử dụng và vẫn sử dụng chung một ngõ đi cũ. Đến năm 2002, gia đình ông X và gia đình ông T1 mở ngõ đi riêng, ngõ đi của các cụ để lại chỉ còn gia đình ông sử dụng. Nhà bà Y và nhà bà T cũng có ngõ đi riêng. Việc gia đình bà Y và nhà bà T có một thời gian sử dụng chung ngõ đi với gia đình ông là đúng nhưng là do nhà bà Y và nhà bà T xin đi nhờ vì đây không phải là ngõ đi chung mà là ngõ đi riêng trong gia đình ông do các cụ để lại. Năm 2015, ông và con trai là anh T có xây dựng trụ công, cánh gà và xin cấp xi măng để tôn tạo ngõ đi như hiện nay. Nay

bà Phạm Thị Y khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải phá dỡ trụ cổng, phân cánh gà do gia đình ông xây và trả lại diện tích ngõ đi chung, ông có quan điểm là không đồng ý.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh là con trai của ông Nguyễn Văn N, sau khi anh kết hôn với chị Lê Thị H, vợ chồng anh vẫn sống cùng với ông N nên có sử dụng chung ngõ đi với ông. Ngõ đi trước đây của gia đình thì có gia đình ông X và gia đình ông T1 (là các em trai của ông N) cùng sử dụng nhưng sau này ông X, ông T1 mở ngõ đi riêng nên giao lại ngõ đi cho ông N sử dụng. Năm 2015, gia đình anh có tôn tạo lại ngõ đi và xây dựng trụ cổng trên ngõ. Anh là người xây dựng trụ cổng, cánh gà nhưng việc đầu tư là do bố anh (ông N) thực hiện, anh chỉ giúp ông N xây dựng, ngoài ra không có công sức gì khác. Vì vợ chồng anh chỉ ở chung với ông N nên việc tranh chấp ngõ đi giữa nhà bà Y và ông N không có liên quan đến anh. anh đề nghị Tòa án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án này và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Y.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Y kết hôn năm 1974. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc ngõ đi có tranh chấp hiện nay giữa hai gia đình là từ đời các cụ để lại, bố đẻ ông là cụ Nguyễn Văn U và bố đẻ ông N là cụ Nguyễn Văn T2 (ông U và ông T2 là anh em con chú con bác ruột) đã cùng chung sử dụng. Cùng đi chung ngõ với nhà ông N trước đây ngoài gia đình ông còn có gia đình bà T, gia đình ông X và gia đình ông T1 cũng sử dụng để đi lại. Sau này, các gia đình ông X, ông T1 và bà T đều có ngõ đi riêng nên không đi chung ngõ đi này nữa. Đến năm 2009, vì việc sử dụng ngõ đi này có nhiều bất tiện nên gia đình ông có mở một ngõ đi mới thẳng ra đường, còn ngõ đi chung với gia đình ông N trước đây gia đình tạm thời không sử dụng.

Tuy nhiên, việc gia đình ông N tự ý làm ngõ, xây trụ cổng (năm 2015) mà không được sự đồng ý của các gia đình cùng đi chung ngõ (trong đó có gia đình ông) là không đúng, hơn nữa, việc ông N xây trụ cổng như vậy sau này khi ông chia tách đất cho các con ông thì các con ông sẽ không có lối đi. Nên ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông N phải tháo dỡ trụ cổng, cánh gà đã làm trên ngõ đi để trả lại ngõ đi chung. Công sức tôn tạo ngõ đi của gia đình ông N gia đình ông sẽ có trách nhiệm thêm với gia đình ông N.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông T là bà Phạm Thị Y có quan điểm thống nhất quan điểm như ông T trình bày. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông N trả lại diện tích ngõ đi chung và tháo dỡ trụ cổng, tường cánh gà.

Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn T. Năm 1997 chị về làm dâu thì gia đình chồng chị đã sử dụng ngõ đi riêng, không có chung dụng với ai khác. Chị chỉ được

nghe các cụ kể lại đây là ngõ đi riêng của các cụ để lại. Ngõ đi trước đây ngoài gia đình chị còn có gia đình ông X, gia đình ông T1 cùng đi. Sau này, ông X và ông T1 làm ngõ đi mới nên không đi chung ngõ đi này nữa. Gia đình bà Y khi đó cũng có ngõ đi riêng song song với gia đình chị. Từ khi chị về làm dâu cho đến nay thì vợ chồng chị vẫn sống cùng bố chồng là ông N ở thôn K, xã Q nhưng không có công sức đóng góp tạo dựng gì. Năm 2015, gia đình có làm trụ công và tôn tạo ngõ đi như hiện nay nhưng vợ chồng chị chỉ góp sức giúp việc xây dựng còn tiền đầu tư làm trụ công và ngõ là do bố chồng chị là ông N thực hiện. Vì vậy, việc tranh chấp ngõ đi giữa bà Y và ông N chị có quan điểm đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng vì chị không có liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điều a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 189, Điều 191, Điều 257, khoản 4 Điều 265 Bộ luật dân sự. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y về việc buộc ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn T phải tháo dỡ các trụ công tường cánh gà và trả lại diện tích ngõ đi chung.

Về án phí: Yêu cầu của bà Phạm Thị Y không được chấp nhận nên bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng bà Y là người cao tuổi nên căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Y được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất là ngõ đi chung theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về nguồn gốc ngõ đi có tranh chấp: Lời trình bày của nguyên đơn cho rằng ngõ đi có tranh chấp từ đời các cụ để lại là ngõ đi chung của các hộ gia đình gồm: Gia đình ông N, gia đình ông T1, gia đình ông X, gia đình bà T và gia đình bà Y cùng sử dụng. Sau này các gia đình ông X, gia đình ông T1, gia đình bà T đều làm ngõ đi riêng nên chỉ còn lại gia đình ông N và gia đình bà Y sử dụng chung ngõ đi. Đến năm 2009, vì việc sử dụng ngõ đi này có nhiều bất tiện nên gia đình bà Y đã làm ngõ đi mới tạm thời không sử dụng ngõ đi chung với gia đình ông N. Lời

trình bày của bị đơn cho rằng ngõ đi này là ngõ đi riêng trong gia đình ông do cô Nguyễn Văn M (là ông nội của ông Nguyễn Văn N) để lại cho các con cháu của cụ sử dụng gồm gia đình ông N, gia đình ông X và gia đình ông T1. Sau này ông X, ông T1 mở ngõ đi khác nên còn lại một mình nhà ông N sử dụng. Nhà bà Y và nhà bà T có sử dụng ngõ đi chung với gia đình ông nhưng là đi nhờ vì đây không phải là ngõ đi chung như bà Y trình bày. Như vậy, để giải quyết quan hệ tranh chấp trong vụ án này cần xác định đây là ngõ đi chung của các hộ gia đình như nguyên đơn trình bày hay là ngõ đi riêng thuộc gia đình ông N như bị đơn trình bày.

Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ các chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập đã xác định được ngõ đi có tranh chấp có nguồn gốc là ngõ đi của cô Nguyễn Văn M tạo dựng. Cô M (là bố đẻ của cụ Nguyễn Văn T2) được bố mẹ chia thừa đất nằm ở phía trong, không có lối đi ra nên cô đã tự tạo dựng ngõ đi để gia đình sử dụng. Và ngõ đi này được con của cô M là cụ Nguyễn Văn T2 và các con của cụ T2 là các ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn X và Nguyễn Văn T sử dụng về sau. Như vậy, xác định ngõ đi trên là ngõ đi chung của các hộ gia đình ông X, ông T1 và ông N.

Xét việc sử dụng chung ngõ đi của gia đình bà Y: Căn cứ tài liệu xác minh tại địa chính xã, các lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Cố L (là bố đẻ của cụ U và là ông nội của ông Nguyễn Văn T) là anh em ruột với cố M được bố mẹ chia cho phần đất phía ngoài có ngõ đi riêng. Sau khi cụ CỐ L chia đất cho các con thì phần đất của cụ U nằm ở phía trong giáp ngõ đi của nhà cố M nên gia đình cụ U đã sử dụng nhờ ngõ đi của cố M. Việc đi nhờ ngõ đi của cố M vẫn được duy trì từ đời cụ U, sau này con trai cụ U là ông T (chồng bà Y) sử dụng. Như vậy, bà Y trình bày có thời gian sử dụng chung ngõ đi là đúng. Ngoài gia đình bà Y còn có gia đình bà T sử dụng ngõ đi nhưng nhà bà T chỉ sử dụng ngõ đi làm ngõ phụ của gia đình, thực tế gia đình có sử dụng ngõ đi chính khác và hiện tại ngõ đi phụ (cùng chung với hộ ông N) gia đình bà T đã xây tường bao bịt lại không sử dụng. Tính tới thời điểm hiện tại, ngõ đi có tranh chấp chỉ còn một mình hộ gia đình ông N sử dụng. Các hộ gia đình ông X và hộ ông T1 đều đã có ngõ đi riêng, không có nhu cầu sử dụng lại và có quan điểm giao ngõ đi của các cụ để lại cho hộ ông N sử dụng, không có tranh chấp gì. Về phía gia đình bà Y cũng đã làm ngõ đi mới, không còn sử dụng ngõ đi này từ năm 2009. Quá trình sử dụng gia đình ông N đã nhiều lần tôn tạo ngõ đi nhưng gia đình bà Y không có ý kiến gì và cũng không đóng góp công sức.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy hộ bà Phạm Thị Y không có quyền sử dụng chung ngõ đi với gia đình nhà ông Nguyễn Văn N. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Y buộc ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn T trả lại diện tích ngõ đi chung và phá dỡ trụ cổng và tường cánh gà là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét hiện trạng ngõ đi có tranh chấp:

Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án thì ngõ đi có tranh chấp có vị trí, kích thước như sau:

- Phía Bắc giáp hộ bà Y dài 14,9 + 27,4 (m)

- Phía Nam giáp hộ ông D (bà M) dài 27,5 + 15,3 (m)
- Phía Đông giáp ngõ dài 5,3 (m)
- Phía Tây giáp đường xóm dài 4,4 (m)

Diện tích ngõ đi là 148m²

Ngõ đi được đổ bê tông dày 14cm, rộng 2m hết chiều dài ngõ. Công trình trên ngõ đi gồm 02 trụ công xây gạch chỉ có trát, kích thước 50 x50, cao 2,3m; 02 cánh gà xây gạch chỉ có trát cao 1,3m, trong đó 01 cánh gà cao 1,3m, rộng 0,6m và 01 cánh gà cao 1,3m, rộng 1,4m.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị Y thuộc đối tượng người cao tuổi nên căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Yền được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 189, Điều 191, Điều 257, Khoản 4 Điều 265 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y về việc buộc ông Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn T phải trả lại diện tích ngõ đi chung, phá dỡ công và tường cánh gà.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị Y. Trả lại cho bà Phạm Thị Y số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo biên lai thu tiền số 0004042 ngày 17 tháng 4 năm 2017)

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh